

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - TKV
CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN ĐÔNG TRIỀU - TKV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **2812**/NĐĐT-KHVT

Quảng Ninh, ngày **30** tháng **9** năm 2024

V/v báo giá Đơn hàng: Cung cấp van các loại phục vụ sửa chữa, bảo dưỡng (lần 3)

Kính gửi: Quý công ty và các nhà cung cấp

Trước tiên, Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV xin gửi lời chào trân trọng và cảm ơn sự hợp tác từ Quý Công ty trong thời gian qua.

Hiện nay, Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV đang triển khai lập Dự toán **Đơn hàng: Cung cấp van các loại phục vụ sửa chữa, bảo dưỡng**. Để có cơ sở thực hiện theo các quy định hiện hành, Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV đề nghị Quý Công ty báo giá danh mục hàng hóa theo phụ lục đính kèm.

- Địa điểm giao hàng: Tại kho của Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV.
- Hiệu lực của báo giá: 90 ngày kể từ ngày báo giá.
- Báo giá phải do đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên và đóng dấu. Trường hợp ký thay thì người ký phải được ủy quyền của người đại diện hợp pháp của nhà thầu kèm theo giấy ủy quyền, quyết định giao việc hoặc văn bản tương đương.

Báo giá của Quý Công ty xin gửi tới địa chỉ và theo thời gian như sau:

- Địa chỉ gửi báo giá: Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV (Địa chỉ: Thôn Đông Sơn - xã Bình Khê - thị xã Đông Triều - tỉnh Quảng Ninh; Điện thoại: 0203.6266.323; Fax: 0203.6266.324; E-mail: dongtrieu.dtk@gmail.com).

(Mọi thông tin trao đổi xin liên hệ: Ông Phạm Thế Vinh - Nhân viên phòng KHĐT-VT; Số điện thoại: 0329.039.895).

- Thời gian báo giá: chậm nhất ngày 03/10/2024.

Rất mong nhận được sự hợp tác và phản hồi sớm từ Quý Công ty.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (e-copy để b/c);
- Lưu: TCHC, KHVT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Vũ Văn Mão

PHỤ LỤC: KHỐI LƯỢNG ĐỀ NGHỊ BÁO GIÁ

(Kèm theo Văn bản số **2812**/NĐĐT-KHVT ngày **30/ 9** /2024 của Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV)

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng	Nhà sản xuất/ Xuất xứ (*)	Thời gian giao hàng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	Mặt bích	Quy cách: DN50; vật liệu: thép CT3 (4 lỗ bu lông M12 cách đều)	Cái	16		30 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
2	Van 1 chiều	Quy cách: DN50-PN10 (khoảng cách giữa 2 mặt bích 218mm)	Cái	01		30 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
3	Van bi mặt bích	Quy cách: DN50 - PN16, vật liệu: SUS304 (bao gồm: 2 mặt bích, 2 gioăng thép xoắn, 8 bộ bu lông M16x60)	Bộ	04		30 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
4	Van bi tay gạt	Quy cách: DN20 - PN10, vật liệu: SUS 304	Cái	02		30 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
5	Van bướm điều khiển bằng khí nén	Kiểu: D671X-1.0 (Pressure: 1.0Mpa; Specification: 150mm) (bao gồm cơ cấu chấp hành, van và hộp switch)	Bộ	02		30 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
6	Van bướm điều khiển điện	Mã hiệu: PO8972; DN50; PN16 (bao gồm bộ điều khiển và thân van) của nhà sản xuất POV	Bộ	07		30 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			(**)
7	Van bướm tay quay vô lăng	Quy cách: DN300 - PN10; khoảng cách giữa 2 mặt bích 86mm	Cái	01		30 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng	Nhà sản xuất/ Xuất xứ (*)	Thời gian giao hàng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
8	Van xả khí	Quy cách: DN150-PN16; Bộ điều khiển ALS-300M4; 0,6A-125VDC; 0,3A-250VDC; 15A-125/250 VAC của nhà sản xuất Aphe	Cái	02		30 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			(**)
9	Van cổng	Quy cách: DN50-PN16; HT200; kết nối mặt bích; khoảng cách giữa 2 mặt bích 170mm; đường kính mặt bích 160mm	Cái	02		30 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
10	Van cổng kết nối mặt bích	Quy cách: DN100-PN16; HT200; khoảng cách giữa 2 mặt bích 220mm; đường kính mặt bích 216mm	Cái	02		30 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
11	Van cổng kết nối mặt bích	Quy cách: DN100-PN16, vật liệu thân van QT450, chịu nhiệt 110 độ C (8 lỗ bu lông M16)	Cái	01		30 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
12	Van đầu ra bình khí nén điều khiển	Quy cách: DN50-PN16	Cái	02		30 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
13	Van điện	Mã hiệu: DZWT20 (8r/min; 0,37kW; 1,8A; 380VAC) của nhà sản xuất Changzhou Ertong Valve Actuator Co., Ltd	Cái	02		30 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			(**)
14	Van điện từ khí nén	Mã hiệu: 4V210-08 (Pressure: 0,15-0,8Mpa) của nhà sản xuất Airtac	Cái	01		30 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			(**)

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng	Nhà sản xuất/ Xuất xứ (*)	Thời gian giao hàng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
15	Van điều khiển	Mã hiệu: SRU230-S (Điện áp 100-240VAC; Công suất 7VA (3W); Chỉ số chống nước IP54; Lực 20Nm (bao gồm cả van WOG1000; 1/2" SUS304)) của nhà sản xuất BELIMO	Cái	01		30 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			(**)
16	Van điều khiển khí nén	Mã hiệu: 708 (Size: 1/2 Inox 316 CV 05 MAX ΔP 2700psi; Áp suất 3440psi/4500F) của nhà sản xuất Jordan	Bộ	03		30 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			(**)
17	Van điều khiển khí nén	Mã hiệu: ACM-10; DN125-PN10 của nhà sản xuất Shanghai Shangxian valve Manufacturing Co.,Ltd	Bộ	01		30 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			(**)
18	Van điều khiển khí nén	Kiểu: G641J-10; DN25-1.0Mpa (chịu nhiệt ≤ 80 độ C; khoảng cách giữa 2 mặt bích 142mm; đường kính mặt bích 115mm; 16 lỗ bu lông M12x50) (bao gồm bộ phản hồi tín hiệu)	Cái	02		30 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
19	Van khí nén	Quy cách: DN250-PN10, Kèm bộ điều khiển có thông số kỹ thuật MECHANICAL SWITCHES; 0,6A-125VDC; 0,3A-250VDC; 15A-125/250VAC; độ dày van 60mm	Cái	01		30 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng	Nhà sản xuất/ Xuất xứ (*)	Thời gian giao hàng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
20	Van màng chịu axit	Kiểu: EG46J-16; DN50-PN16; khoảng cách giữa 2 mặt bích 160mm; đường kính mặt bích 150mm; 08 lỗ bu lông M14	Cái	04		30 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
21	Van màng ngăn cao su điều khiển khí nén	Mã hiệu: A-ES62-T3210 (DN50, 1Mpa) của nhà sản xuất Tianjin Sangdasi	Cái	01		30 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			(**)
22	Van một chiều	Quy cách: DN100-PN16; HT200; khoảng cách giữa 2 mặt bích 330mm; đường kính mặt bích 206mm; 08 lỗ bu lông M16	Cái	01		30 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
23	Van một chiều (dạng van loại chống va, thủy kích)	Quy cách: DN350, PN10, khoảng cách giữa 2 mặt bích 690mm, đường kính mặt bích 512mm; 16 lỗ guzông M20x120	Cái	01		30 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
24	Van một chiều mặt bích	Kiểu: H44J-10; DN100-PN10; vật liệu: gang	Cái	01		30 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
25	Van tay	Quy cách: DN100-PN10; HT200, khoảng cách giữa 2 mặt bích 224mm, đường kính mặt bích 218mm, 08 lỗ bu lông M16)	Cái	01		30 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
26	Van tay	Mã hiệu: NFSSMTS16-9W-G (414 bar; 208 bar 540C) của nhà	Cái	01		30 ngày kể từ ngày có thông			(**)

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng	Nhà sản xuất/ Xuất xứ (*)	Thời gian giao hàng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
		sản xuất Fitok				báo cấp hàng			
27	Van tay bướm tín hiệu	Quy cách: DN100-PN10	Cái	03		30 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
28	Van tay cánh bướm	Quy cách: DN150-PN10; vật liệu: gang	Cái	01		30 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
29	Van tay	Quy cách: DN15-J23W-64P	Cái	01		30 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
30	Van tay gạt	Quy cách: DN50-PN16 (khoảng cách giữa 2 mặt bích 40mm)	Cái	02		30 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
31	Van tay gạt	Quy cách: 1/2 inch- 10 bar; vật liệu đồng; kết nối 2 đầu ren trong Ø21	Cái	01		30 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
32	Van tay kết nối mặt bích	Quy cách: DN350-PN10; khoảng cách giữa 2 mặt bích 380mm; đường kính mặt bích 512mm; 16 lỗ; gu zông M20x120	Cái	01		30 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
33	Van tay kết nối mặt bích	Quy cách: DN80-PN1.0Mpa; ≤85 độ C; kiểu: EG41J-10	Cái	01		30 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
34	Van tay kết nối mặt bích	Quy cách: DN90-PN16; vật liệu: QT450; chịu nhiệt 110°C (bao	Cái	02		30 ngày kể từ ngày có thông			

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng	Nhà sản xuất/ Xuất xứ (*)	Thời gian giao hàng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
		gồm mặt bích + bu lông)				báo cấp hàng			
35	Van tay kết nối mặt bích	Quy cách: DN50-PN16; Kiểu: J41H-16C. nhiệt độ làm việc: 425°C (bao gồm: 2 mặt bích, bulong, ê cu)	Bộ	07		30 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
36	Van tay quay	Quy cách: DN20-PN4.0 ≤ 4250C; Kiểu: J41H-40C	Cái	01		30 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
37	Van tay quay	Quy cách: DN32-PN16; vật liệu thép (khoảng cách 2 mặt bích 178mm, đường kính mặt bích 135mm, 08 lỗ bu lông M16)	Cái	01		30 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
38	Van tay quay	Quy cách: DN50-PN10; HT200 khoảng cách giữa 2 mặt bích 226mm, đường kính mặt bích 160mm, 08 lỗ bu lông M14	Cái	01		30 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
39	Van tay quay	Quy cách: DN15; PN25; CF8; khoảng cách giữa 2 mặt bích 126mm; đường kính mặt bích 93mm; 8 lỗ lông M12	Cái	01		30 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
40	Van tay quay	Quy cách: DN25; Kiểu: J61W-160P	Cái	06		30 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
41	Van tay quay	Quy cách: DN50-PN1.6; ≤425°C; Kiểu: DKJ61H-16C	Cái	08		30 ngày kể từ ngày có thông			

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng	Nhà sản xuất/ Xuất xứ (*)	Thời gian giao hàng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
						báo cấp hàng			
42	Van tay vô lăng	Quy cách: DN50-PN16; khoảng cách giữa 2 mặt bích 227mm; đường kính mặt bích 160mm; 8 lỗ bu lông M16	Cái	01		30 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
43	Van tay vô lăng	Quy cách: DN150-PN16; QT450, khoảng cách giữa 2 mặt bích 260mm; 8 lỗ bu lông M20	Cái	01		30 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
44	Van tay vô lăng bằng đồng	Quy cách: DN25 - PN10; vật liệu: Đồng	Cái	24		30 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
	Tổng								
	Thuế GTGT								
	Tổng cộng (đã bao gồm thuế, phí và lệ phí)								
	Bảng chữ:								

- (*) Đề nghị đơn vị báo giá chào đầy đủ nhà sản xuất và xuất xứ của hàng hóa. Nếu đơn vị báo giá không chào đầy đủ nội dung nêu trên thì mục hàng hóa của đơn vị báo giá không được xem xét.

- (**) Đề nghị đơn vị báo giá chào đúng chủng loại hàng hóa được chọn làm chỉ dẫn về đặc tính, thông số kỹ thuật. Trong trường hợp hàng hóa được chọn làm chỉ dẫn về đặc tính, thông số kỹ thuật không còn sản xuất hoặc nhà sản xuất đã thay đổi sang mã khác, đơn vị báo giá có thể đề xuất sang hàng hóa khác và phải cung cấp các tài liệu kỹ thuật và tài liệu chứng minh hàng hóa được chọn làm chỉ dẫn về đặc tính, thông số kỹ thuật không còn sản xuất hoặc nhà sản xuất đã thay đổi sang mã khác. Nếu đơn vị báo giá không cung cấp các tài liệu kỹ thuật và tài liệu chứng minh nêu trên thì mục hàng hóa tương ứng của đơn vị báo giá không được xem xét.